

Ý KIẾN ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI

Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Năng lượng nguyên tử và Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi)

Người góp ý kiến: TS. Nguyễn Nữ Hoài Vi

1. Về Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Năng lượng nguyên tử

Báo cáo gồm 4 phần chính:

- I. Chính sách, pháp luật về năng lượng nguyên tử.
- II. Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Năng lượng nguyên tử.
- III. Bất cập, hạn chế trong thi hành Luật Năng lượng nguyên tử.
- IV. Đề xuất định hướng chính sách để xây dựng dự thảo Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).

Báo cáo đã tổng kết chi tiết và khá đầy đủ nội dung của từng phần trong việc thi hành Luật Năng lượng nguyên tử từ năm 2009 đến nay. Tuy nhiên, Báo cáo chưa đề cập đến việc thực hiện Luật liên quan đến hoạt động thanh sát hạt nhân cũng như bảo đảm đảm an ninh hạt nhân đối với nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân và các cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân. Đây là hai đặc thù quan trọng của ngành năng lượng nguyên tử. Vì vậy, đề nghị bổ sung hai nội dung này vào Báo cáo Tổng kết.

Về thực hiện Luật Năng lượng nguyên tử liên quan đến thanh sát hạt nhân, có thể bổ sung như sau:

“Sau khi Luật Năng lượng nguyên tử 2008 có hiệu lực, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-TTg, ngày 14/6/2010, về Quy chế kiểm soát hạt nhân của, và Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành 03 Thông tư là: Thông tư số 02/2011/TT-BKHHCN, ngày 16/3/2011, Hướng dẫn thực hiện Kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, Thông tư số 25/2012/TT-BKHHCN, ngày 12/12/2012, Quy định danh mục và yêu cầu kiểm soát vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, và Thông tư số 17/2013/TT-BKHHCN, ngày 30/7/2013, Hướng dẫn thực hiện quy định về khai báo của Nghị định thư bổ sung của Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử Quốc tế về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân.

Mặc dù Việt Nam đã thực hiện theo Hiệp định Thanh sát từ năm 1990, do lịch

sử, đến cuối năm 2007, công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này mới được chuyển giao cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) từ Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam. Thông qua hồ sơ cấp phép, Cục đã rà soát lại các cơ sở có thể là các địa điểm ngoài cơ sở hạt nhân, làm cơ sở để trao đổi với IAEA về việc thiết lập Địa điểm ngoài cơ sở (Location Outside Facilities (LOFs)). Với việc thiết lập được Địa điểm ngoài cơ sở, đến đầu năm 2008, ta đã được IAEA chấp nhận miễn trừ thanh sát đối với urani nghèo sử dụng làm che chắn cho các máy xạ trị tại các bệnh viện. Việc thiết lập được các Địa điểm ngoài cơ sở, một yêu cầu mà IAEA đã đề nghị thực hiện từ năm 2005, đã làm rõ tính minh bạch trong các hoạt động hạt nhân dân sự của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các bệnh viện có máy xạ trị chữa trị ung thư.

Ngoài ra, từ tháng 11/2007, sau khi nhận trách nhiệm là đầu mối cho các hoạt động thanh sát hạt nhân tại Việt Nam, Cục ATBXHN đã tiến hành rà soát toàn bộ số lượng vật liệu hạt nhân là urani nghèo làm che chắn cho các thiết bị công nghiệp trong nước dựa vào hệ thống cấp phép mà Cục đã xây dựng được trong những năm qua. Đây là một điểm thuận lợi khi một cơ quan chịu trách nhiệm về hoạt động thanh sát hạt nhân đồng thời lại là cơ quan cấp phép cho các hoạt động liên quan đến an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ. Đến nay Cục đã có một bộ số liệu tương đối đầy đủ và cần phải được cập nhật thường xuyên.

Là đầu mối của Việt Nam về việc thực hiện thanh sát, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân có trách nhiệm tổng hợp các báo cáo kế toán của các cơ sở để lập thành báo cáo quốc gia theo mẫu quy định của IAEA (khoảng 06 báo cáo một năm). Riêng năm 2013 là 10 báo cáo do có việc chuyển nhiên liệu urani có độ giàu cao trở lại Nga và năm 2015 là 10 báo cáo do có sự thay đổi về vật liệu hạt nhân của Viện Công nghệ Xạ - Hiếm. Hiện tại, IAEA đánh giá vật liệu hạt nhân của Việt Nam đã được kế toán đầy đủ và không có vật liệu hạt nhân, hoạt động hạt nhân không khai báo.

Trong năm 2014 và 2015, Cục ATBXHN đã làm thủ tục với IAEA chấm dứt thanh sát cho thô-ri của Viện Công nghệ Xạ Hiếm sử dụng làm màng phủ trên các lưới nhôm xuất khẩu; miễn trừ thanh sát cho hơn 3000 kg urani nghèo tại các cơ sở sử dụng urani nghèo làm che chắn nguồn phóng xạ và đã được IAEA chấp thuận. Việc thô-ri được IAEA chấp nhận chấm dứt thanh sát và urani nghèo được chấp nhận miễn trừ thanh sát đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với Nghị định thư bổ sung, hàng năm ta phải gửi các khai báo theo yêu cầu của Nghị định thư cho IAEA và thanh sát viên IAEA sẽ vào thực hiện tiếp cận bổ sung, chỉ được báo trước 24 tiếng hoặc 2 tiếng, nếu thanh sát viên IAEA đang thực hiện thanh sát tại cơ sở hạt nhân. Do cơ sở có hoạt động liên quan đến hạt nhân

của ta ở cả Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt và Hà Nội, việc thu xếp để thanh sát viên IAEA vào thực hiện tiếp cận bổ sung cần phải nhanh chóng, kịp thời để đáp ứng yêu cầu của IAEA, đồng thời cũng phải tuân thủ các thủ tục trong nước và bảo đảm lợi ích quốc gia. Trên thực tế hiện nay, hoạt động hạt nhân của ta chưa nhiều, nên các hoạt động cần phải khai báo theo Nghị định thư bổ sung còn chưa đáng kể.

Với sự chuẩn bị chu đáo của Cục ATBXHN trong giai đoạn chuẩn bị phê chuẩn Nghị định thư bổ sung, Cục đã tiếp nhận và thực hiện tốt các đợt thanh sát định kỳ tại các cơ sở chịu sự điều chỉnh của Hiệp định Thanh sát; tiếp nhận và thực hiện tiếp cận bổ sung của thanh sát viên IAEA theo Nghị định thư bổ sung.

Việc tiếp nhận thành công thanh sát viên IAEA vào thực hiện thanh sát và tiếp cận bổ sung cũng như việc gửi các báo cáo và khai báo đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn, thể hiện sự nghiêm túc của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết, nghĩa vụ quốc tế. Một kết quả nổi bật của quá trình thực hiện thanh sát là trong năm 2015 là IAEA đã có “Kết luận mở rộng” (Broader Conclusion) đối với Việt Nam cho năm 2014 và trình Hội đồng Thống đốc IAEA vào tháng 5/2015. Theo đó, không có vật liệu hạt nhân, hoạt động hạt nhân nào của Việt Nam không được khai báo. Nói một cách khác, tất cả vật liệu hạt nhân, hoạt động hạt nhân của Việt Nam đã được khai báo. Đây là lần đầu tiên Việt Nam đạt được kết luận này kể từ khi thực hiện thanh sát hạt nhân từ năm 1990 và chỉ trong vòng 2 năm thực hiện Nghị định thư bổ sung. Với kết luận như vậy, IAEA đã thực hiện cách tiếp cận tổng quát về thanh sát đối với Việt Nam, trong đó IAEA đánh giá một cách tổng hợp về các hoạt động hạt nhân, vật liệu hạt nhân của Việt Nam. Theo đó, thanh sát hạt nhân của IAEA giảm đáng kể (từ một năm một lần xuống còn bốn năm một lần đối với cơ sở hạt nhân và từ bốn năm một lần xuống còn 4-6 năm một lần đối với Địa điểm ngoài cơ sở).

Tuy nhiên, cần lưu ý ở đây là kết luận về thực hiện thanh sát tại các quốc gia được IAEA thực hiện và báo cáo cho Hội đồng Thống đốc hàng năm. Vì vậy, ta cần tiếp tục thực hiện hoạt động thanh sát trong nước hiệu quả hơn nữa để bảo đảm hàng năm ta vẫn đạt được “Kết luận mở rộng” của IAEA. Kế hoạch sửa đổi Luật Năng lượng nguyên tử là cơ hội để ta nâng cao hiệu quả của hoạt động thanh sát hạt nhân thông qua các quy định cụ thể nhưng mang tính nguyên tắc, giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền có công cụ pháp lý thực hiện hoạt động thanh sát hạt nhân một cách bền vững.”

Về thực hiện Luật Năng lượng nguyên tử liên quan đến an ninh hạt nhân, có thể bổ sung như sau:

“Sau khi Luật Năng lượng nguyên tử 2008 có hiệu lực, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ, an ninh vật liệu hạt nhân và cơ

sở hạt nhân đã được xây dựng. Theo đó, nguồn phóng xạ và vật liệu hạt nhân được phân loại và việc bảo đảm an ninh cho các vật liệu này phải được thực hiện tùy theo mức độ nguy cơ tiềm ẩn (tiếp cận theo cấp độ và chiều sâu). Các văn bản quy phạm pháp luật cũng yêu cầu các Bộ, ngành liên quan phải có biện pháp phát hiện, chống buôn bán trái phép vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ cũng như phát hiện, thu hồi vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ nằm ngoài sự kiểm soát.

Hiện tại, ta chỉ có một cơ sở hạt nhân duy nhất tại Viện Nghiên cứu hạt nhân và một vài địa điểm ngoài cơ sở (hạt nhân) với lượng nhỏ vật liệu hạt nhân nguồn đang được lưu giữ và sử dụng tại các viện nghiên cứu. Vật liệu hạt nhân tại các cơ sở này hàng năm đều được kiểm đếm và báo cáo cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân. Tại cơ sở hạt nhân, các biện pháp bảo vệ thực thể đã được nâng cấp trong thời gian 2008-2014, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật.

Đối với nguồn phóng xạ, trong khuôn khổ Sáng kiến giảm thiểu nguy cơ bức xạ toàn cầu (Global Threat Reduction Initiative – GTRI) của Bộ Năng lượng Hoa Kỳ, Cục ATBXHN đã hợp tác cùng Phòng Thí nghiệm Tây Bắc Thái Bình Dương của Hoa Kỳ triển khai Thỏa thuận đặt hàng cơ bản (gọi tắt là Dự án đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ) được ký giữa Bộ Năng lượng Hoa Kỳ và Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 25/6/2006 về việc nâng cấp và tăng cường an ninh cho các cơ sở bức xạ có nguồn phóng xạ trên 1000 Ci trong cả nước. Cục ATBXHN đã triển khai lắp đặt hệ thống an ninh cho các cơ sở bức xạ. Tính đến nay đã tiến hành lắp đặt hệ thống an ninh tại 28 cơ sở. Bên cạnh đó, Cục cũng đã thực hiện quản lý hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, tiến hành kiểm tra hiện trạng và hiệu quả sử dụng hệ thống bảo đảm an ninh tại các cơ sở đã được nâng cấp.

Để ngăn chặn buôn bán, vận chuyển trái phép vật liệu phóng xạ, trong những năm qua, ta đã phối hợp với Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế lắp đặt các cổng phát hiện phóng xạ tại Sân bay quốc tế Nội Bài và Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất; và hợp tác với Hoa Kỳ trong khuôn khổ Sáng kiến Megaport lắp đặt cổng phát hiện phóng xạ cho cảng biển Cái Mép, Bà Rịa – Vũng Tàu và Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 2010, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo Cục ATBXHN nỗ lực trong việc phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng năng lực kỹ thuật và cơ chế trong việc bảo đảm an ninh hạt nhân, phát hiện, tìm kiếm và thu hồi vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ. Tuy nhiên, các hoạt động này bị hạn chế do thiếu cơ sở pháp lý hiệu quả. Do đó, Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) cần có một Chương riêng về an ninh hạt nhân, cơ chế an ninh hạt nhân và bảo vệ thực thể.”

Ngoài ra, tôi có một số góp ý nhỏ, được sửa trực tiếp vào Báo cáo (dưới dạng

track change) gửi kèm theo Bản góp ý kiến này.

2. Về Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi)

Báo cáo được xây dựng khá công phu và gồm 4 Phần chính: Xác định vấn đề, Đánh giá tác động của chính sách, Ý kiến tham vấn, và Giám sát và đánh giá.

Về cơ bản, tôi nhất trí với việc phân tích để xác định vấn đề cần giải quyết trong Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) và đánh giá tác động của các chính sách mà sẽ được đưa vào Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).

Tuy nhiên, tôi có một số góp ý nhỏ, được sửa trực tiếp vào Báo cáo (dưới dạng track change) gửi kèm theo Bản góp ý kiến này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2024

Người góp ý kiến

TS. Nguyễn Nữ Hoài Vi



BẢN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi)

Kính gửi: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân

Thực hiện Công văn số 482/ATBXHN-PCHTQT ngày 21/6/2024 về việc lấy ý kiến chuyên gia đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi), tôi xin có một số ý kiến dưới đây.

1) Về Báo cáo Dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Năng lượng nguyên tử

Báo cáo được chuẩn bị chu đáo, trình bày logic và phản ánh đầy đủ các nội dung cần thiết vào 4 phần: (i) Chính sách, pháp luật về năng lượng nguyên tử; (ii) Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Năng lượng nguyên tử; (iii) Bất cập, hạn chế trong thi hành Luật Năng lượng nguyên tử; (iv) Đề xuất định hướng chính sách để xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).

Với mong muốn hoàn thiện hơn cho dự thảo Báo cáo Tổng kết, người đọc xin có một số ý kiến dưới đây để Ban soạn thảo tham khảo.

- Trang 2: đoạn "..., tiêu biểu như trong lĩnh vực tế (điện quang, y học hạt nhân, xạ trị và sản xuất thuốc phóng xạ), công nghiệp (chiếu xạ, chụp ảnh phóng xạ, kỹ thuật đo mật độ, bề dày vật chất, ...), nông nghiệp (đột biến, tiết sinh côn trùng gây hại, kích thích sinh trưởng, ...) và các lĩnh vực xây dựng, tài nguyên môi trường" có thể viết lại, chẳng hạn:

"..., tiêu biểu là trong lĩnh vực y tế (điện quang, y học hạt nhân, xạ trị và sản xuất thuốc phóng xạ), công nghiệp (kiểm tra không phá hủy mẫu để đánh giá tình trạng công trình, xác định mật độ và độ dày vật chất,..., các hệ đo và điều khiển hạt nhân, chiếu công nghiệp,...), nông nghiệp (đột biến phóng xạ tạo giống cây trồng; tiết sinh côn trùng gây hại; chiếu xạ bảo quản lương thực, thực phẩm; kỹ thuật đồng vị quản lý đất, nước và dinh dưỡng;...), tài nguyên môi trường (ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong khí tượng, thủy văn, quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất, địa chất, khoáng sản và bảo vệ môi trường) và trong các lĩnh vực xây dựng, giao thông,...".

Lý do là: liên quan đến ứng dụng bức xạ phục vụ cuộc sống được trình bày tại (trang 2 Mục I. Chính sách, Pháp luật về NLNT) là để liệt kê các ứng dụng chính có thể trong từng lĩnh vực; và tại (các trang 10-12 Mục II.3.1. Về phát triển ứng dụng NLNT) là đưa ra một số kết quả chính đã thực hiện được của thời kỳ Quy hoạch trước đây. Vì vậy nên chỉnh sửa cả 2 phần này (xin tham khảo file dự thảo Báo cáo Tổng kết gửi kèm).

- Trang 3: đoạn "... và các yêu cầu đảm bảo an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an

ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân cho các hoạt động đó.” nên thêm từ “về” trước cụm từ “an toàn bức xạ” và thay dấu “;” trước cụm từ “an ninh nguồn phóng xạ” để phân biệt cụm từ “an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân” như tiêu đề Điều 22 Luật NLNT. Tương tự đối với câu “(2) Bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân” phía dưới.

- Trang 3, câu “(5) Quản lý vận chuyển và nhập khẩu, xuất khẩu vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân” nên bổ sung thành “(5) Quản lý vận chuyển và nhập khẩu, xuất khẩu vật liệu phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân”.

- Các trang 4, 8, 13 cần phân biệt “Dự án điện hạt nhân Ninh thuận” là một dự án, trong đó có 2 Dự án là: Dự án nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Dự án nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2.

- Trang 11, điều chỉnh số liệu về số lượng đồng vị phóng xạ được sản xuất từ lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt đã cung cấp cho các bệnh viện các năm 2020 – 2023.

- Các trang 11-12, nên nhóm lại kết quả đã đạt được theo từng lĩnh vực, trong đó:

+ Bổ sung “Công nghệ bức xạ đã tạo ra các chế phẩm thân thiện môi trường như chế phẩm kích thích tăng trưởng và bảo vệ thực vật, giữ độ ẩm đất để chống hạn cho cây trồng, sản phẩm thức ăn cho gia súc và nuôi trồng thủy sản; chiếu xạ kiểm dịch và bảo quản thực phẩm; kỹ thuật đồng vị phóng xạ được nghiên cứu, ứng dụng trong nông hóa, thổ nhưỡng và dinh dưỡng cây trồng” vào lĩnh vực nông nghiệp.

+ Bổ sung “Kỹ thuật hạt nhân và công nghệ bức xạ cũng đã được ứng dụng hiệu quả trong ngành dầu khí để đánh giá nguồn gốc và trữ lượng dầu, tăng cường hiệu suất thu hồi dầu; gia cường đặc tính dây cáp điện bằng khâu mạch bức xạ từ chùm electron của máy gia tốc” vào lĩnh vực công nghiệp.

+ Bổ sung “Lập bản đồ địa chất, tìm kiếm, thăm dò, đánh giá các khoáng sản phóng xạ và đất hiếm” vào lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

+ Bỏ đoạn “Ngoài ra, công nghệ bức xạ đã góp phần tạo ra nhiều chế phẩm phục vụ sản xuất và đời sống, thân thiện môi trường như chế phẩm kích thích tăng trưởng và bảo vệ thực vật, thức ăn nuôi tôm, gia cường đặc tính dây cáp điện bằng khâu mạch bức xạ...”

- Đề nghị chung về Báo cáo Tổng kết: Các ý kiến góp ý về chỉnh sửa câu, từ, lỗi soạn thảo,... người đọc sửa trực tiếp dưới dạng Track Changes tại file Dự thảo Báo cáo Tổng kết gửi kèm. Do có nhiều chỉnh sửa đề xuất nên không liệt kê chi tiết được vào bản góp ý này. Nếu có thể, Ban soạn thảo kiểm lại tất cả các vị trí có đánh dấu track changes trong file Báo cáo Tổng kết để tham khảo và chỉnh sửa nếu thấy phù hợp.

2) Về Báo cáo Đánh giá tác động của Chính sách đề nghị xây dựng Luật NLNT (sửa đổi)

Báo cáo đã phân tích về các bất cập, hạn chế trong quy định của Luật NLNT 2008 để làm rõ sự cần thiết của việc xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) sau hơn 15 năm thực hiện. Báo cáo đã đưa ra các vấn đề tổng thể để giải quyết và từ đó đã đề xuất 6 chính sách cần được sửa đổi, bổ sung để lập đề nghị xây dựng Luật NLNT (sửa đổi). Về cơ bản Báo cáo đã đánh giá, phân tích khá chi tiết từng chính sách và đề xuất phương án bổ sung sửa đổi. Để có thể góp phần hoàn thiện thêm Báo cáo cả về nội dung và hình thức, người đọc xin có một số đóng góp dưới đây.

- Chính sách 2 thực chất là đảm bảo an toàn, an ninh liên quan đến thanh lý nguồn phóng xạ kín. Vì vậy đầu đề của chính sách nên bổ sung từ “kín” vào cuối. Và như vậy, các ví dụ thời gian bán rã nguồn phóng xạ cũng nên lấy nguồn phóng xạ kín [tham khảo đề nghị chỉnh sửa tại file Báo cáo Đánh giá gửi kèm (trang 16)]. Có thể chỉ đưa ra 2 phương án để phân tích thay vì 3 phương án như trong Báo cáo, đồng thời cần làm rõ hơn để người đọc dễ nhận biết hơn các quy định/vấn đề nào thì bổ sung, chỉnh sửa trong Luật và các nội dung/hướng dẫn nào thì bổ sung, chỉnh sửa tại các văn bản dưới luật (Nghị định/Thông tư). [tham khảo một vài comments tại file Báo cáo Đánh giá gửi kèm (các trang 17-18)].
- Chính sách 3: Xem lại các định nghĩa về cơ sở hạt nhân theo IAEA và theo Điều 37 Luật NLNT 2008, có lẽ Viện KHKT hạt nhân và Viện CNXH chưa được xem là cơ sở hạt nhân, tuy họ có lưu giữ một vài vật liệu hạt nhân phục vụ nghiên cứu, hoặc các hoạt động nghiên cứu của Viện CNXH chưa phải là tham gia chu trình nhiên liệu hạt nhân?. Tuy nhiên, việc khai báo vật liệu hạt nhân với IAEA là thủ tục cần thiết [trang 22 của file Báo cáo Đánh giá kèm theo]. Chính sách 3: Nên bố cục thống nhất đưa các phương án đề xuất: Phương án 1. Giữ nguyên, không chỉnh sửa; Phương án 2 là cần chỉnh sửa bổ sung [trang 25 của file Báo cáo Đánh giá đính kèm].
- Chính sách 4: nên chèn trong Luật cần bổ sung quy định “không nhập khẩu thải phóng xạ” để khẳng định chính sách của Việt Nam. Không nên sử dụng thuật ngữ “thải hạt nhân” tuy rằng hoạt động hạt nhân sẽ sinh ra thải [tham khảo comments tại file Báo cáo Đánh giá đính kèm (trang 32)]. Nên bổ sung nội dung “Nghiên cứu về công nghệ chôn sâu vĩnh viễn nguồn phóng xạ kín; công nghệ bảo quản khô nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng”. IAEA đang khuyến khích các nước thành viên nghiên cứu và áp dụng [trang 33 của file Báo cáo Đánh giá đính kèm]. Nên sửa lại hoặc bỏ đoạn “việc quy định chính sách rõ ràng, cụ thể sẽ giảm tác động của bức xạ đến phụ nữ trong giai đoạn mang thai” [trang 35-

36 của file Báo cáo đánh giá đình kèm].

- Chính sách 6. Phần VI.1.4 Mục 3. Các giải pháp đề xuất. Điều XX1. Giấy phép hoạt động dịch vụ NLNT đã liệt kê các loại dịch vụ từ Luật NLNT 2008. Đề nghị bỏ mục g) *Thay, đảo nhiên liệu lò phản ứng hạt nhân* [trang 59 của file Báo cáo Đánh giá đình kèm]. Lý do:
 - + Đây là nội dung bắt buộc của Cơ quan vận hành lò phải thực hiện để đảm bảo lò hoạt động an toàn theo yêu cầu của Giấy phép Tiến hành công việc bức xạ (Vận hành lò phản ứng nghiên cứu);
 - + Thực tế của Viện NCHN Đà Lạt từ 1983 đến nay và trong tương lai, không làm dịch vụ cho cơ quan nào khác ngoài lò được cấp phép để vận hành. Tương tự Tổ chức vận hành Trung tâm mới sẽ thực hiện thay đảo nhiên liệu cho lò nghiên cứu mới mà không cần Viện NCHN làm dịch vụ.
 - + Khi có Điện hạt nhân, nếu Tổ chức vận hành không đảm nhận được việc thay đảo nhiên liệu định kỳ trong những năm đầu thì phải thuê Cty nước ngoài vận hành lò tương tự, hoặc theo phương án của UAE là nước xuất khẩu sẽ vận hành năm đầu để huấn luyện vận hành, kể các việc thay nhiên liệu.
- Chính sách 6, Phần VI.2 [trang 70-71 của file Báo cáo Đánh giá gửi kèm]: Nên bố cục thống nhất đưa các phương án để đề xuất: Phương án 1. Giữ nguyên, không chỉnh sửa; Phương án 2 và 3 là cần bổ sung, chỉnh sửa.
- Đề nghị chung về Báo cáo Đánh giá: Các ý kiến góp ý về chỉnh sửa câu, từ, lỗi soạn thảo,... người đọc sửa trực tiếp dưới dạng Track Changes tại file Báo cáo Đánh giá gửi kèm. Do có nhiều chỉnh sửa đề xuất nên không liệt kê chi tiết được vào bản góp ý này. Nếu có thể, Ban soạn thảo kiểm lại tất cả các vị trí có đánh dấu track changes trong file Báo cáo Đánh giá để tham khảo và chỉnh sửa nếu thấy phù hợp.

3) Một vài ý kiến bổ sung về quy định chưa hoặc không phù hợp đối với cơ sở hạt nhân

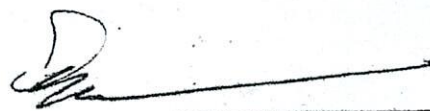
- Trong Luật NLNT 2008 chưa làm rõ các giai đoạn cần thực hiện của một dự án đầu tư, trong lúc theo các Luật Xây dựng và Luật đầu tư công có các giai đoạn Tiền khả thi, Khả thi, thiết kế kỹ thuật/hợp đồng EPC... Vì vậy, trong quá trình thực hiện dự án còn vướng mắc về nội dung Báo cáo phân tích an toàn cho Hồ sơ trình phê duyệt của từng giai đoạn/công việc, bao gồm: Nghiên cứu tiền khả thi, Phê duyệt địa điểm, Nghiên cứu khả thi, Cấp phép xây dựng, ...
- Trong Luật NLNT 2008 và một số văn bản pháp luật khác quy định chung cho mọi lò phản ứng nghiên cứu nên gây ra những bất cập cho cơ quan vận hành. Vì vậy, cơ sở hạt nhân có lò phản ứng nghiên cứu cần phân loại mức độ nguy

hiểm theo công suất lò để tránh những khó khăn khi thực hiện các quy định của văn bản pháp luật khác, ví dụ: Khoản 2 Điều 44 Luật NLNT 2008 viết “Việc bảo vệ lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia”, theo đó phải thực hiện các yêu cầu của Nghị định 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 về khu vực cấm 500 m từ chân công trình và Pháp lệnh số 32/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 quy định “Tiêu chí xác định công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia” tại Điều 11. Về cơ bản các tiêu chí về lò phản ứng nghiên cứu và điện hạt nhân được đồng nhất giống nhau, điều đó bất hợp lý và không khả thi. Theo kinh nghiệm của một số nước, lò phản ứng nghiên cứu có công suất nhiệt trên 30 MWt thì có thể áp dụng các yêu cầu về an toàn và an ninh của nhà máy điện hạt nhân. Vì vậy, Khoản 2 Điều 44 Luật NLNT 2008 cần được sửa đổi, chẳng hạn “Việc bảo vệ lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu có công suất nhiệt trên 30 MWt có thể được xem xét để thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia”. Đồng thời đồng thời chuyển Khoản 2 Điều 44 của Luật NLNT 2008 sang Điều 52 của Luật NLNT đối với nhà máy điện hạt nhân.

- Trong các văn bản pháp luật về NLNT chưa có quy định về bảo vệ thực thể cho cơ sở hạt nhân cũng là bất cập, cần đưa vào ngay từ giai đoạn thiết kế và xây dựng công trình, quy mô cũng phụ thuộc vào công suất của thiết bị hạt nhân. Thông tư số 38/2011/TT-BKHCHN chỉ quy định các yêu cầu chung về bảo đảm an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân; các văn bản quy định yêu cầu về bảo vệ thực thể cơ sở hạt nhân chưa được đề cập.

Tôi đánh giá rất cao về 2 bản Báo cáo Tổng kết và Báo cáo Đánh giá mà Cục đã thực hiện. Trân trọng cảm ơn Quý Cục và Ban soạn thảo đã cho tôi cơ hội được góp ý. Do dịp này đúng vào thời điểm đang có nhiều công việc khác phải thực hiện như Quy hoạch, Dự án CNST,... nên không đầu tư được nhiều thời gian để đọc, tìm hiểu và góp ý nhiều hơn. Rất mong Quý Cục và Ban soạn thảo thông cảm.

Đà Lạt, ngày 05 tháng 7 năm 2024



Nguyễn Nhị Điền

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân

Phúc đáp công văn số 484/ATBXHN-PCHTQT, ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc lấy ý kiến chuyên gia đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi), tôi xin gửi đến Quý Cục một số ý kiến đóng góp cho 2 tài liệu gửi kèm theo, bao gồm:

1. Dự thảo Báo cáo tổng kết tình hình thi hành Luật Năng lượng nguyên tử.

2. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).

Về cơ bản, tôi nhất trí với nội dung của 2 dự thảo (trừ một vài ý kiến nhỏ về nội dung đã được góp ý trong các dự thảo).

Những góp ý của tôi chủ yếu tập trung vào hình thức trình bày văn bản. Để thuận lợi cho nhóm soạn thảo trong việc xem xét, tôi sẽ trình bày các ý kiến đóng góp cho mỗi dự thảo sẽ được trình bày theo thứ tự từ trên xuống.

1. Về Dự thảo Báo cáo tổng kết tình hình thi hành Luật Năng lượng nguyên tử

Nhận xét chung toàn bộ văn bản

- Trong dự thảo Báo cáo này hầu như không sử dụng cụm từ viết tắt như dự thảo Báo cáo thứ 2. Theo tôi nên sử dụng viết tắt những thuật ngữ thông dụng như KH&CN, NLNT, IAEA,...

- Nên viết rõ Luật Năng lượng nguyên tử hiện hành là Luật NLNT 2008, như vậy sẽ gây ấn tượng cho người đọc hơn. Trên thực tế một số Luật khác khi đề cập đến cũng được ghi rõ như vậy.

- Cụm từ “phát triển, ứng dụng” có dấu phẩy (,).

- Từ “Dự án...” trong các dự án cụ thể nên viết hoa từ “Dự...”.

- Không dùng dấu hai chấm (:) ở các tiêu đề đứng riêng rẽ.

Nhận xét chi tiết

Trong đoạn cuối trang 1, dòng thứ 3 từ dưới lên và một số chỗ khác trong văn bản có thuật ngữ “không phổ biến hạt nhân”. Thuật ngữ này được dịch trực tiếp từ tiếng Anh sang. Tuy nhiên trong văn bản tiếng Việt nên dịch là “không phổ biến vũ khí hạt nhân” để mọi người đọc đều có thể hiểu được. Hiệp ước NPT sang tiếng Việt của dịch là “Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân”.

Đầu trang 2, nên xem lại tiêu đề “III. Bất cập, hạn chế trong thi hành Luật Năng lượng nguyên tử” của Báo cáo. Vì theo tiêu đề này, có thể hiểu là bao gồm cả những bất cập, hạn chế về năng lực, nguồn lực của cơ quan QLNN, cơ sở

phát triển, ứng dụng NLNT,... để thi hành Luật NLNT. Theo tôi hiểu nội dung của phần III này chủ yếu là những bất cập, hạn chế của Luật NLNT hiện hành. Trong khi đó ở Dự thảo số 2, tiêu đề mục II. *Các bất cập, hạn chế trong quy định của Luật NLNT*. Theo tôi nên sửa theo tiêu đề này của dự thảo số 2. Nếu nhóm soạn thảo tiếp thu thì sửa cả tiêu đề mục III ở trang 23 của dự thảo số 1.

Trang 2, mục I, đoạn 1, dòng cuối cùng, nên sửa từ “*vì mục đích quân sự*” thành “*vào mục đích quân sự*”

Trang 3, đoạn 2 từ dưới lên, dòng đầu tiên, bổ sung “*vì mục đích hòa bình*”.

Trang 5, đoạn 1 “*Luật Năng lượng nguyên tử 2008*”: thống nhất dùng hoặc không dùng “*2008*” trong văn bản này để chỉ Luật NLNT hiện hành. Theo tôi nên dùng.

Trang 5, mục II, đoạn 2, có cần bổ sung thêm “*ảnh hưởng đến sự phù hợp với thông lệ, luật pháp và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực NLNT*” không?

Trang 7, tiêu đề b, bỏ từ “*bao gồm*” cho thống nhất với cách viết tiêu đề ở mục khác.

Trang 24, mục b. Quy định về thanh sát hạt nhân, nên nói rõ thuật ngữ “*thanh sát hạt nhân*” được hiểu như thế nào để phân biệt với “*kiểm soát hạt nhân*”.

Trang 25, tiêu đề e), bỏ từ “*Chính sách*” cho tương thích với các viết các tiêu đề b, c, d, đ, g, h.

Trang 27, đoạn 4, thay từ “*có*” bằng từ “*sở hữu*”.

Trang 29. III.4 Nguyên nhân của bất cập, hạn chế có cần bổ sung nguyên nhân do còn thiếu một số nguồn lực cần thiết (nhân lực, kinh phí...) không?

2. Về Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).

Nhận xét chung toàn bộ văn bản

- Chú ý trình bày văn bản, nhất là các tiêu đề, như kiểu chữ (hoa, thường), đậm, gạch chân... Theo tôi có thể tham khảo cách trình bày các tiêu đề như trong dự thảo Báo cáo số 1.

- Nên thống nhất sử dụng các từ viết tắt trong dự thảo. Tránh tình trạng chỗ sử dụng chỗ không.

- Nên viết rõ Luật Năng lượng nguyên tử hiện hành là Luật NLNT 2008, như vậy sẽ gây ấn tượng cho người đọc hơn. Trên thực tế một số Luật khác khi đề cập đến cũng được ghi rõ như vậy.

- Cụm từ “*phát triển, ứng dụng*” có dấu phẩy (,).

- Từ “*Dự án...*” trong các dự án cụ thể nên viết hoa từ “*Dự...*”.

- Không dùng dấu hai chấm (:) ở các tiêu đề đứng riêng rẽ.

- Thống nhất viết “*bồi thường hạt nhân*” là “*bồi thường thiệt hại hạt nhân*”.

- Trong toàn bộ văn bản từ viết tắt “QLNN” chỉ xuất hiện có 3 lần. Vì vậy không cần viết tắt.

- Trong văn bản có thuật ngữ “*không phổ biến hạt nhân*”. Thuật ngữ này được dịch trực tiếp từ tiếng Anh sang. Tuy nhiên trong văn bản tiếng Việt nên dịch là “*không phổ biến vũ khí hạt nhân*” để mọi người đọc đều có thể hiểu được. Hiệp ước NPT sang tiếng Việt của dịch là “Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân”.

Nhận xét chi tiết

Trang 4, mục III.1. a. Quy định về thanh sát hạt nhân, nên giải thích nghĩa của thanh sát hạt nhân. Như vậy mới chứng minh được việc dùng kiểm soát hạt nhân là không phù hợp, phải sửa đổi (như giải thích ở dưới).

Trang 5, nội dung của mục b. tôi đọc thì hiểu ý các tác giả, nhưng nên viết lại cho mạch lạc hơn.

Trang 5, đánh số tiêu đề e: theo thứ tự tiếng Việt thì sau “d” là “đ” (như cách đánh số thứ tự ở một số phần khác trong dự thảo).

Trang 5, mục II.2 khoản a) : Khoản 1 Điều 5 trong Luật NLNT 2008 là “1. Đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư vào hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.”. Khoản này không nói gì về điện hạt nhân. Đề nghị kiểm tra lại.

Trang 7, thống nhất viết “Phần sửa đổi của Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân” thành “Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và Phần sửa đổi (2012)” như ở trang 8.

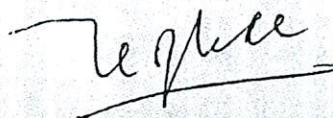
Trang 13, đoạn 2, nên chú ý xem lại lập luận về đào tạo chuyên gia.

Trang 13 mục I.3. Các giải pháp thực hiện chính sách và các trang tiếp theo của mục, cần chú ý:

- Thống nhất dùng từ “*Giải pháp*” hay “*Phương án*”
- Thứ tự của Giải pháp (hoặc Phương án): thường thì Giải pháp (hoặc Phương án) số 1 là giữ nguyên. Nhưng một số chỗ lại là số 2 hoặc 3. Vì vậy nên đánh số lại để văn bản mạch lạc hơn.
- Thống nhất dùng từ “*Tiêu cực*” hay “*Hạn chế*” khi đánh giá mỗi Giải pháp (hoặc Phương án). Theo tôi nên dùng từ “*Hạn chế*”.

Trên đây là một số ý kiến của cá nhân. Xin gửi nhóm soạn thảo nghiên cứu, tham khảo trong quá trình hoàn thiện các dự thảo.

Người góp ý



Lê Doãn Phác

